BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 33h/QĐ/ĐHVL ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Văn Lang)

Tên chương trình: **Tài chính – Ngân hàng** (Finance and Banking)

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Tài chính – Ngân hàng - Mã ngành: 52340201

Loại hình đào tạo: Chính quy

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội, quản trị kinh doanh và tài chính ngân hàng, có năng lực nghiên cứu, giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.

1.2 Mục tiêu cụ thể

- **Về kiến thức**

+ Hiểu biết tốt về lý luận chính trị, đường lối chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

+ Nắm vững kiến thức cơ bản về toán ứng dụng trong quản lý kinh tế.

+ Nắm vững kiến thức chuyên ngành về tài chính, tiền tệ ngân hàng, thị trường tài chính.

+ Nắm vững kiến thức bổ trợ về pháp luật kinh doanh, marketing, thuế, quản trị doanh nghiệp.

+ Có kiến thức sâu về tài chính doanh nghiệp, nghiệp vụ ngân hàng.

+ Hiểu và ứng dụng được vào thực tế các vấn đề về tài chính doanh nghiệp, các nghiệp vụ ngân hàng thương mại qua các học phần mô phỏng.

- **Về kỹ năng**

+ Kỹ năng cứng

  - Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp, tính toán, phân tích dữ liệu, dự báo bằng Excel tài chính, biết sử dụng cơ bản phần mềm Core-Banking đối với chuyên ngành ngân hàng.
  - Biết xử lý các nghiệp vụ của ngân hàng, thẩm định được các hồ sơ tín dụng, biết phân tích báo cáo tài chính của doanh nghiệp và lập dự toán tài chính.

+ Kỹ năng mềm

- Có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình và thương lượng, biết quản lý thời gian, lập kế hoạch công việc.
- Biết sử dụng các trang thiết bị văn phòng.

+ **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- Có ý thức trách nhiệm công dân, có ý thức chấp hành tốt các chế độ, chính sách về quản lý tài chính.
- Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, có tinh thần hợp tác, có đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần cầu thị và lĩnh hội.

- **Về khả năng công tác**

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận:

- Chuyên viên tài chính cho các doanh nghiệp sản xuất, thương mại, dịch vụ.
- Cán bộ nghiệp vụ trong các ngân hàng thương mại, các tổ chức tài chính.
- Các chuyên viên tài chính trong các cơ quan tài chính trung ương và địa phương trong khu vực công hoặc tư.
- Cán bộ giảng dạy tại các cơ sở giáo dục
- Có thể học tiếp lên bậc sau đại học, các chứng chỉ nghề cấp trong nước và quốc tế: ACCA, CFA, CPA, Kiểm toán viên cấp nhà nước,....

- Trình độ ngoại ngữ

Tương đương 500 điểm TOEIC (Khung trung cấp bậc 3 theo VN hoặc CEF - B1).

- Trình độ tin học

+ Tin học đại cương theo Thông tư 03/2014, TT_BTTT ngày 11/03/2014 gồm 6 mô đun ở chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản.

+ Tin học chuyên ngành: Excel Tài chính (tương đương mô đun kỹ năng 8 sử dụng bảng tính nâng cao của TT 03/2014) Phần mềm Corebanking (đối với chuyên ngành Ngân hàng).

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn Khóa: 130 tín chỉ

4. Đối tượng tuyển sinh

Học sinh tốt nghiệp phổ thông được tuyển theo tổ hợp nhóm:

- Toán – Lý – Hóa
- Toán – Văn – Anh Văn
- Toán – Lý – Văn

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Theo học chế tín chỉ kể từ Khóa 22. Điều kiện tốt nghiệp theo Quy chế 04/1999, Quyết định Bộ giáo dục và đào tạo của Bộ Giáo dục và đào tạo hiện hành.

6. Thang điểm: 10

Mỗi học phần có kiểm tra giữa kỳ, bài tập, tiểu luận, thảo luận, chiếm 20-40%, thi cuối khóa chiếm 60-80%.

7. Nội dung chương trình (Tổng: 130 tín chỉ)

7.1 Kiến thức giáo dục đại cương (51 tín chỉ)

7.1.1 Lý luận chính trị (10 tín chỉ)

STT	Môn học	Tín chỉ
1	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lênin	5
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3
	Tổng cộng:	**10**

7.1.2 Khoa học xã hội (4 tín chỉ)

STT	Môn học	Tín chỉ
1	Pháp luật đại cương	2
2	Kinh tế phát triển	2
	Tổng cộng:	**4**

7.1.3 Nhân văn – Nghệ thuật (2 tín chỉ)

STT	Môn học	Tín chỉ
1	Các kỹ năng cơ bản	2
	Tổng cộng:	**2**

7.1.4 Ngoại ngữ (19 tín chỉ)

STT	Môn học	Tín chỉ
1	Anh văn 1	3
2	Anh văn 2	3
3	Anh văn 3	3
4	Anh văn 4	3
5	Anh văn 5	3
7	Anh văn 7	4
	Tổng cộng:	**19**

Riêng Anh văn 6 thay thế bằng Anh văn chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng.

7.1.5 Toán -Tin học - Khoa học tự nhiên-Công nghệ môi trường (11 tín chỉ)

STT	Môn học	Tín chỉ
1	Đại số tuyến tính C	2
2	Giải tích C	3
3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán B	3

4	Tin học đại cương	3
	Tổng cộng:	**11**

7.1.6 Giáo dục thể chất (có chứng chỉ riêng)

7.1.7 Giáo dục quốc phòng (có chứng chỉ riêng)

7.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (83 tín chỉ)

7.2.1 Kiến thức cơ sở của khối ngành, nhóm ngành và ngành

7.2.1.1 Kiến thức cơ sở khối ngành (6 tín chỉ)

STT	Môn học	Tín chỉ
1	Kinh tế vi mô	3
2	Kinh tế vĩ mô	3
	Tổng cộng:	**6**

7.2.1.2 Kiến thức cơ sở ngành (19 tín chỉ)

STT	Môn học	Tín chỉ
1	Nguyên lý kế toán	3
2	Nguyên lý thống kê kinh tế	3
3	Kinh tế lượng	3
4	Luật kinh tế	3
5	Quản trị doanh nghiệp	2
6	Marketing căn bản	3
7	Toán kinh tế	2
	Tổng cộng:	**19**

7.2.2 Kiến thức ngành chính (ngành thứ nhất)

7.2.2.1 Kiến thức chung của ngành chính (10 tín chỉ)

STT	Môn học	Tín chỉ
1	Nhập môn tài chính tiền tệ 1	2
2	Nhập môn tài chính tiền tệ 2	2
3	Tài chính doanh nghiệp 1	3
4	Tài chính quốc tế	3
	Tổng cộng:	**10**

7.2.2.2 Kiến thức chuyên sâu của ngành chính

Phần bắt buộc (10 tín chỉ)

STT	Môn học	Tín chỉ
1	Thuế	2
2	Excel Tài chính	2
3	Thanh toán quốc tế	2
4	Quản trị rủi ro tài chính	2
5	Thị trường tài chính	2
	Tổng cộng:	**10**

- **Phần tự chọn (14 tín chỉ) sinh viên chọn 1 trong 2 chuyên ngành sau:**

✓ **Chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp**

STT	Môn học	Tín chỉ
1	Tài chính doanh nghiệp 2	2
2	Tài chính doanh nghiệp 3	2
3	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	2
4	Phân tích báo cáo tài chính	2
5	Bảo hiểm	2
6	Quản lý danh mục đầu tư	2
7	Tài chính công ty đa quốc gia	2
	Tổng cộng:	**14**

✓ **Chuyên ngành Ngân hàng**

STT	Môn học	Tín chỉ
1	Tài chính doanh nghiệp 2	3
2	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	4
3	Kế toán ngân hàng	3
4	Quản trị ngân hàng	2
5	Phần mềm Core - banking	1
6	Kỹ năng bán hàng	1

	Tổng cộng:	**14**

7.2.3 Kiến thức ngành thứ hai (7 tín chỉ)

STT	Môn học	Tín chỉ
1	Kế toán tài chính 1	2
2	Kế toán tài chính 2	2
3	Kế toán quản trị	3
	Tổng cộng:	7

7.2.4 Kiến thức bổ trợ tự do (7 tín chỉ)

STT	Môn học	Tín chỉ
1	Kinh tế quốc tế	2
2	Thống kê doanh nghiệp	2
3	Tiếng Anh chuyên ngành TC-NH	3
	Tổng cộng:	7

7.2.5 Thực tập, viết chuyên đề tốt nghiệp (11 tín chỉ)

STT	Môn học	Tín chỉ
1	Kiến tập	1
2	Mô phỏng Tài chính – Ngân hàng	4
3	Bảo vệ khóa luận tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp	6
	Tổng cộng:	**11**

8. Kế hoạch giảng dạy

Dự kiến trong 8 học kỳ, được phân bổ ở bảng chương trình đào tạo đính kèm.